

Bản án số: 99/2017/KDTM-ST
Ngày: 28-9-2017.
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín
dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phú Nhuận.

Bà Tiêu Kim Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nhất Dũng – Thư ký Toà án, Toà án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mạnh Thị Tú Uyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27, 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2017/TLST-KDTM ngày 23 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2017/QĐST-KDTM ngày 22 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2017/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần VN TV.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, VP Bank Tower số 1-1A-2 TĐT, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Ma Khắc K – Chuyên viên xử lý nợ (có mặt).

- Ông Phạm Văn T – Chuyên viên xử lý nợ (có mặt).

(Theo giấy ủy quyền số 648/2017/XLN-AMC ngày 27/02/2017).

2. Bị đơn: Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược phẩm TS (vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở chính: Y1 đường HL, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Ông Trần Ngọc S, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: 207/32, Đường 3/2, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Ngọc S, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Y1 đường Hồng Lĩnh, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, ông Ma Khắc K trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần VN TV (sau đây được gọi tắt là VPB) và Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm TS (sau đây gọi tắt là Công ty TS) có ký 03 hợp đồng tín dụng có nội dung như sau:

- Hợp đồng tín dụng số SME/ETP/15/0161/HDTD-01 ngày 19/11/2015, VPB cho vay số tiền vay là 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất là 18,45%/năm (điều chỉnh 3 tháng 1 lần);

- Hợp đồng tín dụng số SME/ETP/16/0038/HDTD ngày 23/3/2016, VPB cho vay số tiền là 750.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất là 20,15%/năm (điều chỉnh 3 tháng 1 lần);

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số SME/ETP/16/0126/HDHM-BILL ngày 04/10/2016, số tiền vay là 3.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 18%/năm (điều chỉnh 01 tháng 1 lần). Tuy nhiên, hợp đồng này bị đơn ký nhận số tiền vay của VPB là 1.858.730.287 đồng.

Tổng cộng số tiền mà bị đơn vay của nguyên đơn là: 5.608.730.287 đồng theo khế ước nhận nợ lần 01/số SME/ETP/15/0161/HDTD/01 ngày 19/11/2015; Khế ước nhận nợ lần 01/số SME/ETP/16/0038/HDTD/01 ngày 23/3/2016 và khế ước nhận nợ lần 01/số SME/ETP/16/0126/HDHM-BILL-01 ngày 04/10/2016.

Công ty TS vay với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh dược phẩm.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, VPB và bị đơn đã thống nhất áp dụng biện pháp bảo lãnh vô điều kiện và không huỷ ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Trần Ngọc S theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/ETP/15/0161/HDBL ngày 19/11/2015; SME/ETP/16/0038/HDBL ngày 23/03/2016 và SME/ETP/16/0126/HDBL ngày 04/10/2016.

Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc, lãi theo các Hợp đồng tín dụng trên, phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù nguyên đơn đã thông báo yêu cầu trả nợ gốc và các khoản tiền lãi, tiền phạt phát sinh, nhưng bị đơn không thực hiện. Do vậy, VPB khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TS thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 27/02/2017, tổng cộng là 2.814.823.802 đồng (trong đó nợ gốc là 2.671.233.287 đồng, lãi quá hạn là 143.590.515 đồng) và lãi suất tiếp tục phát sinh theo thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký cho tới khi bị đơn thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Do bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền tạm tính đến

ngày xét xử sơ thẩm là 3.314.334.343 đồng (trong đó nợ gốc là 2.671.233.287, nợ lãi trong hạn là 446.764.598 đồng; nợ lãi quá hạn là 196.336.458 đồng) và tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự

Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc còn thiếu và lãi suất thỏa thuận theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết với VPB.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn là VPB và bị đơn là Công ty TS phát sinh tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa hai pháp nhân có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận là “tranh chấp trong kinh doanh thương mại”. Xét thấy bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại Quận 10, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án. Theo xác minh tại Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh “Công ty cổ phần Dược phẩm TS (mã số doanh nghiệp 0303510309) có trụ sở chính tại Y1 đường Hồng Lĩnh, Phường 15, Quận 10 đến nay chưa đăng ký giải thể” và xác minh tại Công an Phường 15, Quận 10 ngày 22/8/2017 xác định: “ Ông Trần Ngọc S, sinh năm 1960, có hộ khẩu thường trú tại Y1 Hồng Lĩnh, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 14/01/2013 đến nay. Hiện đã bán nhà, chuyển nơi ở khác từ tháng 8/2016, không còn ở địa phương”. Ngoài ra không có căn cứ xác định nơi bị đơn đăng ký mới hoặc hoạt động kinh doanh ở địa chỉ khác, không xác định được nơi cư trú hiện nay của ông S vì khi di chuyển khỏi nơi cư trú, ông S không thông báo cho bên có quyền là VPB. Trên cơ sở các tài liệu xác minh

này, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử... Như vậy, phía bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt mặc dù Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ nhưng bị đơn không nộp tài liệu, chứng cứ và không có lời khai trình bày về số tiền gốc, lãi đã thanh toán và số tiền còn nợ nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp cho Tòa án để xem xét, giải quyết vụ án.

Căn cứ các Hợp đồng tín dụng số SME/ETP/15/0161/HDTD-01, SME/ETP/16/0038/HDTD và SME/ETP/16/0126/HDTD, hợp đồng cấp tín dụng nguyên tắc, các hợp đồng bảo lãnh và các khế ước nhận nợ giữa VPB và Công ty TS được giao kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật, do đó các hợp đồng này là hợp pháp.

Căn cứ vào bản sao kê của nguyên đơn cung cấp, công ty TS đã thanh toán số tiền đối với Hợp đồng tín dụng số SME/ETP/15/0161/HDTD-01 nợ gốc là 2.750.000.000 đồng, nợ lãi là 315.733.300 đồng; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng SME/ETP/16/0038/HDTD nợ gốc là 187.497.000 đồng và nợ lãi là 105.237.623 đồng; Hợp đồng tín dụng số SME/ETP/16/0126/HDTD nợ lãi là 25.162.188 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 26/12/2016 đến kỳ trả nợ gốc và lãi tiếp theo của các hợp đồng tín dụng nhưng bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: *“Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng”*, ngoài ra tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Do vậy, phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ tiền gốc, lãi, lãi quá hạn là phù hợp với các Hợp đồng tín dụng đã ký kết và Luật các Tổ chức tín dụng quy định, cụ thể như sau:

(1) Đối với Hợp đồng tín dụng số SME/ETP/15/0161/HDTD-01 ngày 19/11/2015, Công ty TS còn nợ số tiền là 311.720.660 đồng (trong đó nợ gốc là 250.000.000 đồng, nợ lãi 45.292.361 đồng và lãi quá hạn 16.428.299 đồng).

(2) Đối với Hợp đồng tín dụng số SME/ETP/16/0038/HDTD ngày 23/3/2016, Công ty TS nợ số tiền là 689.747.298 đồng (trong đó nợ gốc là 562.503.000 đồng, nợ lãi 88.106.590 đồng và lãi quá hạn 39.137.709 đồng).

(3) Đối với Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số SME/ETP/16/0126/HDHM-BIL ngày 04/10/2016, Công ty TS nợ số tiền là

2.312.866.385 đồng (trong đó nợ gốc 1.858.730.287 đồng, nợ lãi là 313.365.647 đồng và lãi quá hạn là 140.770.451 đồng).

Tổng cộng số tiền (1),(2) và (3) mà Công ty TS phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là 3.314.334.343 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc: 2.671.233.287 đồng, nợ lãi: 446.764.598 đồng và nợ lãi quá hạn: 196.336.458 đồng).

Đây là khoản tiền buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2017). Và để đảm bảo quyền lợi của VPB, nếu bị đơn không trả nợ gốc hoặc trả không đầy đủ thì còn phải có nghĩa vụ trả lãi tiếp theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng nói trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, giữa VPB, Công ty TS và ông Trần Ngọc S ký các Hợp đồng bảo lãnh số SME/ETP/15/0161/HDBL ngày 19/11/2015; SME/ETP/16/0038/HDBL ngày 23/03/2016 và SME/ETP/16/0126/HDBL ngày 04/10/2016 có nội dung như sau: Bên bảo lãnh (ông Trần Ngọc S) đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh (VPB) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh (Công ty TS) theo các hợp đồng đã ký kết (Văn kiện tín dụng).

Nay, VPB yêu cầu ông Trần Ngọc S thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của ông Sơn để thu hồi nợ do Công ty TS vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Xét yêu cầu này là phù hợp với pháp luật, để bảo đảm cho việc thu hồi khoản nợ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Sơn phải thực hiện việc bảo lãnh như trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh đã ký kết với VPB.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 98.286.687 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 141 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần VN TV.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm TS phải có nghĩa vụ trả nợ ngay khi án có hiệu lực pháp luật, cụ thể:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số SME/ETP/15/0161/HDTD-01 ngày 19/11/2015:

Nợ gốc: 250.000.000 đồng;

Nợ lãi: 45.292.361 đồng;

Lãi quá hạn: 16.428.299 đồng.

Tổng: 311.720.660 đồng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số SME/ETP/16/0038/HDTD ngày 23/3/2016:

Nợ gốc: 562.503.000 đồng;

Nợ lãi: 88.106.590 đồng

Lãi quá hạn: 39.137.709 đồng

Tổng: 689.747.298 đồng.

- Đối với Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số SME/ETP/16/0126/HDHM-BIL ngày 04/10/2016:

Nợ gốc: 1.858.730.287 đồng;

Nợ lãi: 313.365.647 đồng;

Lãi quá hạn: 140.770.451 đồng;

Tổng: 2.312.866.385 đồng.

Tổng cộng số tiền của 03 hợp đồng trên là 3.314.334.343 đồng (*Ba tỷ, ba trăm mười bốn triệu, ba trăm năm mươi tư ngàn, ba trăm bốn mươi ba đồng*). Trong đó bao gồm nợ gốc là 2.671.233.287 đồng, nợ lãi là 446.764.598 đồng và nợ lãi quá hạn là 196.336.458 đồng.

2. Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm TS không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần VN TV có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là toàn bộ tài sản thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp của ông Trần Ngọc S theo các Hợp đồng bảo lãnh số SME/ETP/15/0161/HDBL ngày 19/11/2015; SME/ETP/16/0038/HDBL ngày 23/03/2016 và SME/ETP/16/0126/HDBL ngày 04/10/2016 giữa bên bảo lãnh là ông Trần Ngọc S và bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng thương mại cổ phần VN TV để thu hồi nợ.

Kể từ ngày 29/9/2017, Công ty TS còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm TS phải chịu số tiền án phí là 98.286.687 đồng.

Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần VN TV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 44.148.238 đồng theo biên lai thu số 0001116 ngày 21/3/2017 của Chi cục thi hành dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Lan